

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảng
2. Ông Nguyễn Văn Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tống Lan Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Đ Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 25/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST- DS ngày 26/11/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 14/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NH ĐT

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận H Kiểm, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đ T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lâm Duy Khánh – Giám đốc Phòng giao dịch - NH ĐT chi nhánh BG; Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Trần Phú, thành phố BG, tỉnh BG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG. (có đơn đề nghị vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hg Xuân T1, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn C, xã MT, huyện LG, tỉnh BG.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (có đơn đề nghị vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn Hư, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Th:

- Chị Hg Thị V, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Cầy, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (có đơn đề nghị vắng mặt)

- Anh Hg Văn V, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

- Anh Hg Xuân Tr, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (có đơn đề nghị vắng mặt)

- Anh Hg Văn Sơn, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 9 xóm Đình, khu 3, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

3.3. Chị Hg Thị LA, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn Hư, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

3.4. Cháu Hg Anh Đ, sinh năm 2006 và cháu Hg Thanh Tâm, sinh năm 2017; Cùng địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Hg Anh Đ, sinh năm 2006 và cháu Hg Thanh Tâm, sinh năm 2017 là: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG (có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn là NHĐT (sau đây gọi tắt là NH) trình bày:*

NH đã ký với ông Hg Xuân G hai Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020, NH cho ông Hg Xuân G vay số tiền gốc 200.000.000đồng; lãi suất trong hạn là 8,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả; phí trả nợ trước hạn = tỷ lệ phí x số tiền trả nợ trước hạn x số tháng trả nợ trước hạn, tỷ lệ phí 0,2%/tháng, tối

thiếu 100.000đồng/lần trả nợ, tối đa 30.000.000đồng/lần trả nợ; phạt vi phạm 2.000.000đồng/lần vi phạm; mục đích vay để trả tiền mua gỗ; thời hạn vay: 08 tháng; thời hạn thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày 24/7/2021; thời hạn trả lãi định kỳ vào ngày 20 hàng tháng và ngày đáo hạn hợp đồng. Ông Hg Xuân G đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019, thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô tải tự đồ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G;

- Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021, NH cho ông Hg Xuân G vay số tiền gốc 500.000.000đồng; mục đích vay để mua gỗ; thời hạn vay 08 tháng; lãi suất trong hạn là 8,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả; phí trả nợ trước hạn = tỷ lệ phí x số tiền trả nợ trước hạn x số tháng trả nợ trước hạn, tỷ lệ phí 0,2%/tháng, tối thiểu 100.000đồng/lần trả nợ, tối đa 30.000.000đồng/lần trả nợ; phạt vi phạm 2.000.000đồng/lần vi phạm; thời hạn trả lãi định kỳ vào ngày 20 hàng tháng và ngày đáo hạn hợp đồng. Ông Hg Xuân G và vợ là Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020, thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G, để đảm bảo cho khoản vay.

Ngày 30/6/2021, ông Hg Xuân G chết nên không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán với NH. Do vậy, NH khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H là vợ ông Hg Xuân G phải thanh toán khoản nợ theo hai hợp đồng tín dụng vừa nêu trên Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/12/2021 là: 742.324.004đồng, trong đó: tổng nợ gốc là: 700.000.000đồng, tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả là 42.324.004đồng.

Tr hợp phía bị đơn không thanh toán được cho NH khoản nợ trên, NH yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020 để thu hồi nợ cho NH.

Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải tự đồ hiệu CHIEN THANG, biển

kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G đã ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019, NH tự nguyện rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản này.

**Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*
Bà là vợ hợp pháp của ông Hg Xuân G. Bà xác nhận ông G đã ký với NH hai Hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020 và Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021. Tổng số tiền nợ gốc đã ký vay gốc là 700.000.000đồng. Đối với lãi suất và thời hạn vay thì bà không nắm rõ, vì chồng bà là người ký hợp đồng.

Khi vay, vợ chồng bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G. Đồng thời ông G cũng ký thế chấp tài sản đảm bảo cho NH là 01 xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G.

Ngày 31/6/2021, ông Hg Xuân G chết nên bà H là người tiếp tục chịu trách nhiệm với khoản vay của ông G với NH. Bà nhất trí với khoản tiền nợ gốc và lãi mà NH yêu cầu thanh toán. Do gia đình hiện gặp khó khăn về kinh tế, bà H đề nghị NH miễn giảm lãi đối với khoản vay. Đối với việc NH yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm trong Tr hợp không thanh toán được nợ, bà H nhất trí.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Th, chị Hg Thị LA, hai cháu Hg Anh Đ và Hg Thanh Tâm do bà Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của NH và quan điểm về vụ án.*

**Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Th là chị Hg Thị V và anh Hg Xuân Tr đều có văn bản thể hiện quan điểm không có ý kiến gì về việc NH khởi kiện bà Nguyễn Thị H đối với khoản nợ trong Hợp đồng tín dụng đã ký và không có ý kiến gì đối với phần tài sản thế chấp có liên quan đến bà Nguyễn Thị Th.*

**Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Th là anh Hg Văn Sơn và anh Hg Văn V đều không thể hiện quan điểm liên quan đến yêu cầu khởi kiện của NH và quan điểm về vụ án.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hg Xuân T1 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng, thể hiện quan điểm nhất trí với các ý kiến của bà H trình bày tại Tòa án.*

Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G.

Tòa án tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đối với Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trong vụ án là: 01 xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G hiện đang nằm dưới vực bản Păng Săng, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản là chiếc xe ô tô vừa nêu, Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp này.

**Tại phiên tòa ngày 14/12/2022, do chưa bổ sung được tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa liên quan đến người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 11/01/2023, vắng mặt một số người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.*

**Tại phiên tòa ngày 18/01/2023:*

Ông Lâm Duy Khánh là đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tham gia tố tụng có văn bản đề nghị vắng mặt, giữ nguyên quan điểm khởi kiện và đề nghị Tòa án như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả NH số tiền nợ tính đến ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 143.250.000đồng, nợ lãi trong hạn là 23.206.286đồng; lãi quá hạn là 10.788.075đồng;

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 67.068.493đồng; lãi quá hạn là 28.236.301đồng;

Tổng số nợ: 772.549.155đồng, trong đó: Số tiền gốc là 643.250.000đồng; Số tiền lãi, lãi quá hạn là: 129.299.155đồng.

- Tr hợp bà H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, NH yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020 để thu hồi nợ cho NH.

NH giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu giải quyết tài sản đảm bảo cho NH là 01 xe ô tô tải tự đồ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019.

- Về chi phí tố tụng: NH đề nghị bị đơn phải chịu chi phí tố tụng

*Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ quy định pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho NH ĐT tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/01/2023 là **772.549.155đồng** (bằng chữ: bảy trăm bảy mươi hai T1 năm trăm bốn mươi chín nghìn một trăm năm mươi lăm đồng) (Trong đó: số tiền gốc là 643.250.000đồng; số tiền lãi trong hạn, quá hạn là 129.299.155đồng), theo hai hợp đồng tín dụng đã ký: Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020 và Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021.

Bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến thời điểm thanh toán được hết nợ cho NH.

Tr hợp bà Nguyễn Thị H không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì NH có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020 giữa NH và ông G, bà H; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G.

+ Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H chịu 3.000.000đồng (ba T1 đồng) chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản. NH được nhận lại 3.000.000đồng (ba T1 đồng) khi thi hành án.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. H trả NH tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là NH ĐT khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị H phải trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký, do vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận cam kết trong hợp đồng. Việc vợ chồng bị đơn vay tiền NH nhằm mục đích trả tiền mua gỗ nên xác định quan hệ pháp luật là dân sự, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do ông Hg Xuân G là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng đã chết, không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, NH khởi kiện bà Nguyễn Thị H, là vợ ông G đến Tòa án nhân dân thành phố BG, Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tham gia tố tụng - ông Lâm Duy Khánh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Hg Xuân T1) và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (cháu Hg Anh Đ, cháu Hg Thanh Tâm) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan (chị Hg Thị V, anh Hg Xuân Tr) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Hg LA) và người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Hg Văn V, anh Hg Văn Sơn) được T1 tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: NH đã ký với ông Hg Xuân G hai Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020, NH cho ông Hg Xuân G vay số tiền gốc 200.000.000đồng; lãi suất trong hạn là 8,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn; mục đích vay để trả tiền mua gỗ; thời hạn vay: 08 tháng; thời hạn thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày 24/7/2021; thời hạn trả lãi định kỳ vào ngày 20 hàng tháng và ngày đáo hạn hợp đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021, NH cho ông Hg Xuân G vay số tiền gốc 500.000.000đồng; mục đích vay để mua gỗ; thời hạn vay 08 tháng; lãi suất trong hạn là 8,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn; thời hạn trả lãi định kỳ vào ngày 20 hàng tháng và ngày đáo hạn hợp đồng.

Do ông G đã chết, bà Nguyễn Thị H là vợ ông G không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho NH, do vậy, NH khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị H phải trả NH số tiền nợ tính đến ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 143.250.000đồng, nợ lãi trong hạn là 23.206.286 đồng; lãi quá hạn là 10.788.075đồng;

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 67.068.493đồng; lãi quá hạn là 28.236.301đồng;

Tổng số nợ: 772.549.155đồng, trong đó: Số tiền gốc là 643.250.000đồng; Số tiền lãi, lãi quá hạn là: 129.299.155đồng.

Bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến thời điểm thanh toán được hết nợ cho NH.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H nhất trí với khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của NH, không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của NH là phù hợp với thỏa thuận tại hai Hợp đồng tín dụng đã ký, có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo trong Tr hợp bị đơn không trả được nợ gốc và lãi cho nguyên đơn:

Để đảm bảo cho khoản vay khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông Hg Xuân G và bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G. Tr hợp bà H không thanh toán được khoản nợ cho NH, NH yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất vừa nêu.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đồng ý với yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của Nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Th, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Th, ông Hg Xuân T1 (đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H), chị Hg Thị LA đều không có yêu cầu độc lập trong vụ án, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của NH về phát mại tài sản thế chấp trong Tr hợp bị đơn không thanh toán được nợ để đảm bảo thu hồi khoản nợ cho NH.

Đối với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G, được ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019, NH có đơn tự nguyện rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản này, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3.3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 3.000.000 đồng, do bị đơn là người bị buộc phải trả nợ cho NH nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên cần H trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho NH ĐT tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/01/2023 là **772.549.155đồng** (bằng chữ: bảy trăm bảy mươi hai T1 năm trăm bốn mươi chín nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 643.250.000đồng; Số tiền lãi, lãi quá hạn là: 129.299.155đồng, cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 03/2020/11994655/HĐTD ngày 24/11/2020, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 143.250.000đồng, nợ lãi trong hạn là 23.206.286 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.788.075đồng;

- Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/11994655/HĐTD ngày 20/01/2021, bà H phải thanh toán tiền nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 67.068.493đồng; nợ lãi quá hạn là 28.236.301đồng;

Bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến thời điểm thanh toán được hết nợ cho NH.

Tr hợp bà Nguyễn Thị H không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì NH có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11994655/HĐBĐ ngày 26/3/2020 giữa NH và ông G, bà H; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 497, tờ bản

đồ số 137; địa chỉ thửa đất tại thôn Hư 8, xã HS, huyện LG, tỉnh BG, được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD130801, số vào sổ cấp GCN: CH00089, cấp ngày 17/3/2011 mang tên Hg Xuân G.

1.2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải tự đồ hiệu CHIEN THANG, biển kiểm soát: 98C-107.15; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013996 mang tên Hg Xuân G, được ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/11994655/HĐBĐ ngày 10/01/2019.

2. Về chi phí tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H chịu 3.000.000đồng (ba T1 đồng) chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

- NH được nhận lại 3.000.000đồng (ba T1 đồng) khi thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 34.901.966 đồng (Ba mươi tư T1 chín trăm linh một nghìn chín trăm sáu sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. H trả NH ĐT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.846.000đồng (hai mươi sáu T1 tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Về hướng dẫn thi hành án dân sự:* Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG
- VKSND TP BG,
- Chi cục THADS TP.BG;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng